

Số: 949/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Cơ Khí tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 99 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 06 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K57 2015 - 2019	K58 2016 - 2020	K59 2017 - 2021	K60 2018 - 2022	Cộng
1	Công nghệ chế tạo máy	01	01	02	12	16
2	Kỹ thuật cơ khí	-	01	08	32	41
3	Kỹ thuật cơ điện tử	-	02	04	03	09
4	Kỹ thuật nhiệt	-	01	02	30	33

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K60 2018-2021	K61 2019-2022	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	02	04	06

Điều 2. Trưởng phòng liên quan, Khoa Cơ Khí và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *như*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2022

Theo Quyết định số 949 /QĐ-ĐHNT ngày 18 tháng 8 năm 2022

Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130927	Nguyễn Hữu	Nghĩa	15/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CTM	2015-2019
2	58131752	Nguyễn Trung	Phúc	01/04/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.CTM	2016-2020
3	59130799	Phạm Việt	Hoàng	04/05/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CTM	2017-2021
4	59131989	Nguyễn Văn	Quang	06/08/1998	Bình Định	Nam	Trung bình	59.CTM	2017-2021
5	60132314	Đoàn Thanh	Cương	26/10/1998	Gia Lai	Nam	Trung bình	60.CTM	2018-2022
6	60130101	Trần Long	Dân	08/08/2000	Ninh Thuận	Nam	Khá	60.CTM	2018-2022
7	60132257	Phan Hồng	Đăng	10/02/2000	Bình Định	Nam	Trung bình	60.CTM	2018-2022
8	60135327	Đinh Thanh	Dương	27/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CTM	2018-2022
9	60131989	Trần Thành	Lâm	18/10/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CTM	2018-2022
10	60132092	Trần Xuân	Lộc	30/10/2000	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	60.CTM	2018-2022
11	60136278	Ngô Xuân	Ngọc	19/04/2000	Quảng Bình	Nam	Giỏi	60.CTM	2018-2022
12	60136542	Đỗ Ngọc	Phú	19/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CTM	2018-2022
13	60130858	Nguyễn Văn	Quyền	21/04/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CTM	2018-2022
14	60132293	Phạm Văn	Tình	21/03/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CTM	2018-2022
15	60131244	Lê Chí	Vĩ	13/11/1999	Thanh Hóa	Nam	Trung bình	60.CTM	2018-2022
16	60137641	Đặng Tấn	Vỹ	01/08/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CTM	2018-2022

Danh sách có 16 sinh viên

2. Kỹ thuật cơ khí

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58131590	Lê Quang	Đạt	11/10/1998	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	58.KTCK-2	2016-2020
2	59130350	Đinh Xuân	Dự	12/03/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.KTCK-1	2017-2021
3	59130393	Nguyễn Quốc	Dũng	30/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KTCK-1	2017-2021
4	59130427	Trần Hữu	Duy	01/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KTCK-1	2017-2021
5	59131069	Nguyễn Tấn	Khoa	03/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KTCK-1	2017-2021
6	59132884	Nguyễn Quốc	Trung	28/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KTCK-1	2017-2021
7	59130220	Nguyễn Quốc	Cường	15/07/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KTCK-2	2017-2021
8	59130365	Nguyễn Công	Đức	13/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KTCK-2	2017-2021
9	59130442	Nguyễn Phước	Duy	07/05/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KTCK-2	2017-2021
10	60130142	Trần Văn	Đô	09/03/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.KTCK-1	2018-2022
11	60130189	Trần Minh	Duy	01/06/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.KTCK-1	2018-2022
12	60135503	Nguyễn Quốc	Hào	02/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-1	2018-2022
13	60132346	Trương Tấn	Hào	11/11/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.KTCK-1	2018-2022
14	60130365	Võ Duy	Huân	12/05/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.KTCK-1	2018-2022
15	60135831	Nguyễn Duy	Khánh	20/08/1999	Phú Yên	Nam	Khá	60.KTCK-1	2018-2022
16	60135863	Phan Văn	Kiệt	15/02/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.KTCK-1	2018-2022
17	60130890	Trần Ngọc	Son	04/12/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.KTCK-1	2018-2022
18	60136748	Huỳnh Văn	Son	06/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-1	2018-2022
19	60130901	Huỳnh Ngọc	Tâm	17/11/2000	Bình Định	Nam	Trung bình	60.KTCK-1	2018-2022
20	60136850	Phan Mạnh	Thắng	03/11/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.KTCK-1	2018-2022
21	60132333	Trương Công	Thiên	20/02/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.KTCK-1	2018-2022
22	60132360	Nguyễn Minh	Tiến	15/02/2000	Vĩnh Long	Nam	Khá	60.KTCK-1	2018-2022
23	60131148	Nguyễn Tiến	Trực	11/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-1	2018-2022
24	60131693	Lê Việt	Cường	05/07/2000	Bình Định	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022
25	60135274	Đặng Phương Kiên	Định	28/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
26	60130152	Nguyễn Huỳnh Đức	04/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022
27	60135504	Nguyễn Văn Hào	29/05/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.KTCK-2	2018-2022
28	60130351	Trương Ngọc Hoàng	20/10/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022
29	60135821	Huỳnh Công Khanh	03/06/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022
30	60130447	Nguyễn Ngọc Duy Khoa	09/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022
31	60135996	Bùi Tấn Lộc	04/02/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022
32	60130553	Trần Công Luật	16/05/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.KTCK-2	2018-2022
33	60136111	Đặng Ngọc Tuấn Minh	03/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022
34	60136555	Lê Tấn Phúc	27/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022
35	60130892	Võ Huy Sơn	08/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022
36	60132120	Trần Anh Thái	27/05/2000	Quảng Ngãi	Nam	Khá	60.KTCK-2	2018-2022
37	60136858	Đinh Văn Thanh	03/06/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.KTCK-2	2018-2022
38	60131026	Phạm Ngọc Thường	03/11/2000	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022
39	60137150	Hàng Viễn Tín	22/04/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022
40	60137163	Trần Nguyên Tinh	12/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022
41	60131976	Nguyễn Hữu Trí	20/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.KTCK-2	2018-2022

Danh sách có 41 sinh viên

3. Kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58133839	Hoàng Hữu Phúc	18/04/1998	Quảng Bình	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
2	58133275	Hán Văn Vê	07/02/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58.CDT	2016-2020
3	59130827	Kiều Ngọc Hoàng	16/06/1999	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	59.CDT	2017-2021
4	59131318	Nguyễn Thành Long	01/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CDT	2017-2021
5	59132106	Nguyễn Thanh Sang	12/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.CDT	2017-2021
6	59132790	Trịnh Minh Trí	21/07/1999	Bình Định	Nam	Trung bình	59.CDT	2017-2021
7	60135587	Nguyễn Văn Hiếu	04/07/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CDT	2018-2022
8	60135774	Trần Nhật Huy	15/02/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CDT	2018-2022
9	60136436	Nguyễn Đức Nhon	08/06/2000	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	60.CDT	2018-2022

Danh sách có 09 sinh viên

4. Kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58132099	Nguyễn Thanh Tùng	02/06/1998	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	58.CNNL	2016-2020
2	59131854	Trần Văn Phi	28/01/1998	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNNL	2017-2021
3	59136109	Nguyễn Thanh Tùng	02/06/1999	Thái Bình	Nam	Trung bình	59.CNNL	2017-2021
4	60130009	Trần Đặng Khánh An	10/07/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
5	60132063	Nguyễn Nhật Cường	28/06/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
6	60135206	Phan Thanh Cường	19/06/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNNL	2018-2022
7	60131875	Đặng Công Danh	01/07/2000	Bình Định	Nam	Khá	60.CNNL	2018-2022
8	60139045	Phạm Tấn Đạt	08/02/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
9	60135240	Lê Văn Đạt	21/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
10	60131617	Trần Văn Dương	22/06/2000	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
11	60130260	Lê Nhất Hào	18/12/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CNNL	2018-2022
12	60135523	Nguyễn Văn Hào	20/07/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
13	60135535	Võ Minh Hiến	15/07/2000	Bình Định	Nam	Khá	60.CNNL	2018-2022
14	60135563	Bùi Trung Hiếu	02/07/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
15	60130329	Trần Văn Hòa	15/08/2000	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
16	60131360	Trần Đức Hoàng	24/02/2000	Bình Định	Nam	Khá	60.CNNL	2018-2022

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
17	60131938	Ngô Quang	Hướng	25/12/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
18	60131300	Đoàn Nguyễn Hoài	Linh	12/11/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Giỏi	60.CNNL	2018-2022
19	60136100	Nguyễn Đức	Mạnh	18/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
20	60132107	Trần Văn	Nhật	24/06/2000	Quảng Trị	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
21	60131731	Võ Trung	Quân	02/09/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
22	60131661	Nguyễn Trường	Sơn	14/06/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
23	60132204	Phạm Văn	Tài	17/11/2000	Nam Định	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
24	60136806	Nguyễn Duy	Tân	01/04/2000	Bình Định	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
25	60136956	Mai Văn	Thiên	20/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNNL	2018-2022
26	60137125	Đào Trọng	Tiến	19/09/2000	Bình Định	Nam	Khá	60.CNNL	2018-2022
27	60137146	Trần Văn	Tiền	23/07/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
28	60132301	Trương Tấn	Tiến	10/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNNL	2018-2022
29	60132195	Trần Quốc	Triệu	01/12/2000	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
30	60131158	Phạm Ngọc	Trường	13/03/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
31	60131677	Trương Viết	Trường	10/04/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
32	60131186	Võ Thanh	Tuấn	07/02/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022
33	60131957	Ngô Ngọc	Tuấn	28/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNNL	2018-2022

Danh sách có 33 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2022

Theo Quyết định số 949 /QĐ-ĐHNT ngày 18 tháng 8 năm 2022

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60160287	Trịnh Thanh Hào	02/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.CNNL	2018-2021
2	60161841	Nguyễn Chí Quốc	11/05/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60C.CNNL	2018-2021
3	61160693	Trần Trọng Bắc	08/02/2001	Hà Nam	Nam	Trung bình	61C.CNNL	2019-2022
4	61160697	Nguyễn Hòa Bình	13/10/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61C.CNNL	2019-2022
5	61161191	Cao Tiến Thi	12/06/2001	Bình Định	Nam	Trung bình	61C.CNNL	2019-2022
6	61161447	Nguyễn Đức Trà	30/04/2001	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	61C.CNNL	2019-2022

Danh sách có 06 sinh viên